

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 19-8-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Vinh

2. Ông Phạm Ngọc Thiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2024/TLST - HNGĐ ngày 24/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lầu Thị C, sinh năm 1978. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Mùa A D, sinh năm 1972. (Có mặt).

Địa chỉ: Điều trú tại bản Nậm Giắt, xã Phông Lái, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Người phiên dịch cho chị Lầu Thị C là: Anh Ông Vừ Súa Páo. Địa chỉ: Bản Trung Đình, xã Pú Nhung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lầu Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lầu Thị C và anh Mùa A D kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 08/7/2016, tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống được một thời gian có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Mùa A D thường xuyên uống rượu, bia rồi chửi bới, đánh đập vợ, con và đuổi vợ, con ra khỏi nhà

dẫn đến tính tình không hoà hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Lầu Thị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Mùa A D.

Về con chung: Chị Lầu Thị C và anh Mùa A D có 01 (một) con chung: Cháu Mùa a D, sinh ngày 17/10/2017.

Chị Lầu Thị C có nơi cư trú ổn định. Chị Sâu làm trồng trọt, chăn nuôi, làm thuê thêm, có thu nhập. Chị Sâu có đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con. Chị Lầu Thị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Mùa a D.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lầu Thị C đề nghị anh Mùa A D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Mùa a D, sinh ngày 17/10/2017, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Mùa a D đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, kể từ tháng 8 năm 2024.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lầu Thị C cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà bị đơn anh Mùa A D trình bày:

Về hôn nhân: Anh Mùa A D và chị Lầu Thị C kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 08/7/2016, tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, chị Sâu bỏ nhà đi từ tháng 02 năm 2024. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay. Anh Mùa A D xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh Mùa A D nhất trí ly hôn chị Lầu Thị C.

Về con chung: Anh Mùa A D và chị Lầu Thị C có một con chung: Cháu Mùa a D, sinh ngày 17/10/2017.

Anh Dơ làm trồng trọt, thu nhập khoảng 10 tấn ngô/năm, anh đảm bảo đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Anh Dơ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Mùa a D, sinh ngày 17/10/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Mùa A D không yêu cầu chị Lầu Thị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Mùa A D cam đoan không có nợ chung.

Ngoài những tài liệu, chứng cứ do các đương sự đã giao nộp. Chị Sâu, anh Dơ không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 02/7/2024: Tại bản Nậm Giắt, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La, chị Lầu Thị C, anh Mùa A D có nơi cư trú ổn định. Chị Lầu Thị C và anh Mùa A D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn không nắm được. Hiện tại chị Lầu Thị C và anh Mùa A D đã sống ly thân. Chị Sâu bỏ về sống tại huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Chị Lầu Thị C và anh Mùa A D có 01 (một) con chung, cháu Mùa a D, sinh ngày 17/10/2017, cháu Mùa a D đi theo chị Sâu và đang ở với chị Lầu Thị C tại huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Anh Mùa A D hay đi làm ăn xa, có thời gian khoảng một đến hai tháng mới về nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật:

Về tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết của thẩm phán và quá trình xét xử của Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật, việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lầu Thị C được ly hôn anh Mùa A D.

Về con chung: Giao cháu Mùa a D, sinh ngày 17/10/2017 cho chị Lầu Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Mùa A D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lầu Thị C, anh Mùa A D cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lầu Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và bị đơn anh Mùa A D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lầu Thị C yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Mùa A D có địa chỉ tại bản Nậm Giắt, xã Phổng Lái, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lầu Thị C và anh Mùa A D kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 08/7/2016, tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay chị Lầu Thị C và anh Mùa A D đã sống ly thân, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Chị Sâu cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Mùa A D. Anh Mùa A D nhất trí ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Sâu và anh Dơ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Lầu Thị C được ly hôn anh Mùa A D. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lầu Thị C và anh Mùa A D có 01 con chung, cháu Mùa a D, sinh ngày 17/10/2017.

Chị Lầu Thị C, anh Mùa A D đều có nguyện vọng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Mùa a D. Chị Lầu Thị C đề nghị anh Mùa A D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Mùa a D, sinh ngày 17/10/2017, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng. Anh Mùa A D không yêu cầu chị Lầu Thị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Sâu, anh Dơ có nơi cư trú rõ ràng, đều có thu nhập. Tuy nhiên anh Dơ hay đi làm ăn xa, thường xuyên đi vắng. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, chị Sâu là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Mùa a D. Cháu Mùa a D, hiện đang ở cùng với mẹ.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Để đảm bảo quyền, lợi ích của con, sự phát triển về thể chất, giao cháu Mùa a D, sinh ngày 17/10/2017 cho chị Lầu Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Mùa A D có công việc và thu nhập khoảng 10 tấn ngô/ năm, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, căn cứ vào mức thu nhập của anh Dơ, chấp nhận một phần yêu cầu của chị Sâu, buộc anh Mùa A D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho

cháu Mùa a D, sinh ngày 17/10/2017, mức cấp dưỡng 800.000 đồng/tháng, kể từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về tài sản riêng*: Không có.

[6] *Về nợ chung*: Chị Lầu Thị C, anh Mùa A D cam đoan không có nợ chung.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn chị Lầu Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và bị đơn anh Mùa A D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lầu Thị C được ly hôn anh Mùa A D.

2. Về con chung: Giao cháu Mùa a D, sinh ngày 17/10/2017 cho chị Lầu Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Mùa A D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Mùa a D, sinh ngày 17/10/2017, mức cấp dưỡng 800.000 đồng/tháng, kể từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu Mùa a D đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng vợ chồng: Không có.

5. Về nợ chung: Chị Lầu Thị C, anh Mùa A D không có nợ chung.

6. Về án phí: Chị Lầu Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001821, ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

Buộc anh Mùa A D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Lầu Thị C, anh Mùa A D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/8/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Mai Xiêng

